

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN M  
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/DS-ST  
Ngày: 29-7-2019  
V/v Tranh chấp hợp tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH L**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Vũ Khanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Lai  
2. Ông Võ Ngọc Bội

***-Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Thành là Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L.

Ngày 29 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2019/TLST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2019, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2019/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2019, quyết định hoãn phiên tòa số 40/2019/QĐST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Ngân hàng TMCP VNTV

Địa chỉ: 89 L, phường L, quận Đ, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Trường G, sinh năm 1988; Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà C, số 20 C, phường 12, quận T, thành phố H. (theo văn bản ủy quyền ngày 06/5/2019) (có mặt).

***- Bị đơn:*** Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã B, huyện M, tỉnh L.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 5 năm 2019 và tại phiên tòa, người đại diện của Ngân hàng TMCP VNTV trình bày: Vào ngày 07 tháng 3 năm 2014, ông Nguyễn Văn V có ký hợp đồng tín dụng số 20140307-103030-0002 vay Ngân hàng số tiền là 29.951.687, lãi suất thỏa thuận là 4.59%/ 01 tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng ông V có trách nhiệm thanh toán số tiền 54.769.000đ (gồm cả gốc và lãi) trả chậm liên tiếp trong vòng 29 tháng, trong 28 tháng đầu mỗi tháng trả 1.889.000đ và tháng cuối cùng trả 1.877.000đ. Thanh toán vào ngày 11 hàng tháng, bắt đầu thanh toán từ ngày 11/4/2014. Thực hiện hợp đồng, ông V đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Ngân hàng được 15 lần với số tiền đã trả 28.335.000đ. Kể từ ngày 04/7/2015 đến

nay, ông Vũ không thanh toán bất cứ khoản nợ nào dù Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Văn V phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi còn lại cho ngân hàng với số tiền là 26.434.000 đồng (trong đó nợ gốc là 19.191.945 đồng và nợ lãi là 7.242.055 đồng ).

Bị đơn ông Nguyễn Văn V đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án nhiều lần triệu tập và tiến hành mở các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông V vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày. Do đó Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa ông V vắng mặt không có lý do.

Về tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: “Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng” số: 20140307-103030-0002 ngày 07/3/2014; Lịch sử thanh toán nợ; Đơn xin xác nhận nơi cư trú của bị đơn có xác nhận của Công an xã B, huyện M, tỉnh L ngày 05/4/2019; Điều lệ của Ngân hàng và Văn bản ủy quyền tham gia tổ tụng ngày 06/5/2019 của người đại diện Ngân hàng cho ông Trần Trường G.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào “đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng” số: 20140307-103030-0002 ngày 07/3/2014 do nguyên đơn cung cấp; Nội dung của hợp đồng có thỏa thuận về số tiền vay, lãi suất cho vay, thời gian và phương thức trả tiền. Trong đó, bên cho vay là tổ chức tín dụng nên xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng tín dụng; Bị đơn cư trú: Ấp 1, xã B, huyện M, tỉnh L nên Tòa án nhân dân huyện M thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại các Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung vụ án :

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu ông V có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ vay gồm nợ gốc và nợ lãi là 26.434.000đ. Tài liệu chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp là “đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng” số: 20140307-103030-0002 ngày 07/3/2014” trong đó có các nội dung thỏa thuận giữa ngân hàng với ông V chủ yếu như: số tiền vay, lãi suất, thời hạn trả tiền, mục đích sử dụng vốn, quyền và nghĩa vụ của các bên và các thỏa thuận khác.

[2.2] Xét nội dung và hình thức của giao dịch giữa các bên theo “đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng” số: 20140307-103030-0002 ngày 07/3/2014 được xác định là hợp đồng tín dụng giữa tổ chức tín dụng với cá nhân mà bản chất là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi theo quy định của Bộ luật dân sự. Do các đương sự giao kết hợp đồng vào năm 2016 nên Bộ luật dân sự năm 2005 được áp dụng để giải quyết tranh chấp.

[2.3] Ông Nguyễn Văn V là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện giao kết hợp đồng với Ngân hàng ngày 07/3/2014 và đã nhận số tiền vay là 29.951.687đ, lãi suất thỏa thuận là 4.59%/ 01 tháng để tiêu dùng cá nhân.

Nhưng từ tháng 04/7/2015 cho đến nay ông V đã không thực hiện nghĩa vụ trả tiền như đã cam kết là vi phạm thời hạn thanh toán. Đồng thời thỏa thuận về trách nhiệm do vi phạm cam kết cũng được các bên thể hiện tại khoản 6.2 Điều 6 của “đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng” số: 20140307-103030-0002 ngày 07/3/2014”.

[2.4] Về lãi suất: Xét thấy, lãi suất thỏa thuận giữa Ngân hàng với ông V trong hợp đồng tín dụng ngày 07/3/2014 là 4.59%/ 01 tháng là hình thức trả lãi theo lãi suất trên dư nợ giảm dần đối với khoản vay tiêu dùng, không được bảo đảm về tài sản; Đối chiếu vào Điều 2 Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14 tháng 4 năm 2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về lãi suất thỏa thuận như sau: “*Tổ chức tín dụng niêm yết công khai lãi suất cho vay ở mức hợp lý, trên cơ sở cung - cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng ...*” và Điều 11 của Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2011 của thống đốc Ngân hàng nhà nước quy định: “*Mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn do tổ chức tín dụng ấn định và thỏa thuận với khách hàng trong hợp đồng tín dụng nhưng không vượt quá 150% lãi suất cho vay áp dụng trong thời hạn cho vay đã được ký kết hoặc điều chỉnh trong hợp đồng tín dụng*”; Thỏa thuận về lãi suất trên cũng phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi theo hợp đồng đã ký kết là phù hợp.

[2.5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Văn V có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và nợ lãi tổng cộng là 26.434.000đ (trong đó nợ gốc là 19.191.945đ và nợ lãi là 7.242.055đ).

[2.6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Nguyễn Văn V phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 184, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 471 và 474 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Văn V có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP VNTV số tiền nợ gốc và nợ lãi tổng cộng là 26.434.000đ (trong đó nợ gốc là 19.191.945đ và nợ lãi là 7.242.055đ).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số: 20140307-103030-0002 ngày 07/3/2014”.

2. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 1.321.700đ nộp sung ngân sách Nhà nước. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng TMCP đã nộp là 661.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002794 ngày 22/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh L.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký và đóng dấu**

**Nguyễn Vũ Khanh**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lý Quốc Trường Trần Khánh Hội**

**Nguyễn Vũ Khanh**